

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Chăn nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Chăn nuôi là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước chuyên ngành và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước

trong lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Cục Chăn nuôi có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội và bộ phận thường trực tại miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ dự thảo dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các dự án, đề án theo sự phân công của Bộ trưởng. Trình Bộ trưởng dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm

và hàng năm; các chiến lược, quy hoạch vùng trọng điểm, liên vùng, liên tỉnh và các chương trình, dự án, công trình quan trọng thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thông báo kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, đề án, dự án do Bộ quản lý cho từng địa phương, đơn vị sau khi được Bộ phê duyệt kế hoạch tổng thể về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

4. Trình Bộ công bố chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về giống vật nuôi nông nghiệp:

a) Chủ trì xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và từng vùng sinh thái nông nghiệp;

b) Trình Bộ quy định việc sử dụng, trao đổi nguồn gen vật nuôi; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống vật nuôi;

c) Ban hành danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh; danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn; danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu, cho phép trao đổi với nước ngoài; danh mục môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và các danh mục khác thuộc lĩnh vực quản lý về giống vật nuôi nông nghiệp; quy phạm, quy trình khảo nghiệm giống vật nuôi mới theo ủy quyền của Bộ trưởng;

d) Quản lý và tổ chức thực hiện khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, tinh, phôi, trứng giống vật nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi; khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống vật nuôi mới;

đ) Công nhận và chỉ định cơ sở khảo nghiệm, kiểm nghiệm và kiểm định giống vật nuôi;

e) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép xuất khẩu, nhập khẩu, giấy chứng nhận về giống vật nuôi; tinh, phôi, trứng giống vật nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi;

g) Chỉ đạo triển khai chương trình đầu tư phát triển giống vật nuôi, chương trình hỗ trợ sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi.

6. Về thức ăn chăn nuôi:

a) Chủ trì xây dựng, trình Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi;

b) Ban hành danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam theo ủy quyền của Bộ trưởng;

c) Quản lý và tổ chức thực hiện công tác khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, phân tích nguyên liệu thức ăn chăn nuôi;

d) Công nhận và chỉ định phòng thử nghiệm, phân tích thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, đơn vị khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Cấp chứng chỉ cho người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi;

đ) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; giấy xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; giấy chứng nhận cơ sở thực hành sản xuất thức ăn chăn nuôi tốt (GMP).

7. Về chỉ đạo sản xuất chăn nuôi:

a) Chỉ đạo địa phương xây dựng quy hoạch chăn nuôi gắn với hệ thống giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm. Chỉ đạo xây dựng, kiểm tra thực hiện quy hoạch phát triển vùng chăn nuôi trang trại, công nghiệp, sản xuất chăn nuôi an toàn;

b) Chỉ đạo việc thực hiện cơ cấu sản xuất, quy trình kỹ thuật chăn nuôi, nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi nông nghiệp; các tiêu chuẩn định mức quy hoạch, chuồng trại; đề xuất các biện pháp khắc phục thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất chăn nuôi;

c) Chủ trì thẩm định và quản lý thực hiện các dự án điều tra cơ bản về chăn nuôi;

d) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện và tổng kết, đánh giá kế hoạch sản xuất chăn nuôi hàng năm. Thống kê báo cáo tiến độ sản xuất. Tham gia quản lý về chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi.

8. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi:

a) Chủ trì xây dựng, trình Bộ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng trong xử lý chất thải chăn nuôi;

b) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát môi trường trong chăn nuôi;

c) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia về môi trường trong sản xuất chăn nuôi. Phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường khác đánh giá chất lượng môi trường, đề xuất những giải pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất chăn nuôi.

9. Quản lý chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm lĩnh vực chăn nuôi từ đầu vào của sản xuất:

a) Xây dựng, trình Bộ và tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động sản xuất đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực chăn nuôi;

b) Xây dựng, trình Bộ các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách, đề xuất xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản xuất đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực chăn nuôi;

c) Đề xuất kế hoạch xây dựng và phát triển các vùng chăn nuôi an toàn;

d) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý vùng, cơ sở sản xuất chăn nuôi an toàn; tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sản xuất chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

10. Đề xuất trình Bộ danh mục các chương trình, dự án đầu tư về chăn nuôi. Chủ trì thẩm định và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư Bộ giao cho Cục.

11. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về sản xuất chăn nuôi theo quy định.

12. Khoa học, công nghệ:

a) Tham gia quản lý về quỹ gen vật nuôi nông nghiệp, vi sinh vật dùng trong chăn nuôi nông nghiệp;

b) Đề xuất, trình Bộ chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng

dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật chuyên ngành;

c) Chủ trì thẩm định đề cương, đề tài nghiên cứu; đặt hàng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện; nghiệm thu, quản lý kết quả và chỉ đạo triển khai kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Cục;

d) Quản lý thông tin khoa học công nghệ về chuyên ngành;

đ) Chủ trì xây dựng, trình Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuồng trại phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm; vật tư chuyên ngành chăn nuôi. Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân công của Bộ trưởng;

e) Chủ trì thẩm định kết quả khảo nghiệm giống vật nuôi nông nghiệp; môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi nông nghiệp; thức ăn chăn nuôi để đưa vào danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam; danh mục môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam; danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam và tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi.

13. Chỉ đạo triển khai hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực chăn nuôi.

14. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại về chuyên ngành chăn nuôi theo phân công của Bộ trưởng.

15. Về hợp tác quốc tế:

a) Xây dựng, trình Bộ chương trình, dự án hợp tác quốc tế về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế, các chương trình, dự án quốc tế tài trợ theo phân cấp của Bộ trưởng.

16. Về cải cách hành chính:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính theo kế hoạch của Bộ và sự chỉ đạo của Bộ trưởng;

b) Chỉ đạo rà soát, hệ thống hóa và đề xuất, xây dựng hệ thống thể chế, pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục;

c) Chỉ đạo hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Cục theo hướng phân công, phân cấp; trình Bộ phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho chính quyền địa phương;

d) Chỉ đạo thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính và cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức làm việc, hiện đại hóa công sở, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Cục.

17. Về quản lý nhà nước các tổ chức thực hiện dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Cục:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách, quy chuẩn kỹ thuật về cung ứng dịch vụ công; về thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực;

b) Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, thời gian thực hiện cung ứng các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

18. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động của hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng:

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục; tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu việc đề xuất, phản biện của hội, tổ chức phi Chính phủ để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực;

b) Kiến nghị việc xử lý các vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong ngành, lĩnh vực.

19. Về tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức:

a) Xây dựng dự thảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục; đề xuất việc thành lập, tổ chức lại các tổ chức trực thuộc Cục;

b) Quyết định thành lập Tổ công tác của Cục; quy định cụ thể về nhiệm vụ tự chủ, điều lệ tổ chức và hoạt động cho các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Cục theo quy định;

c) Trình Bộ kế hoạch biên chế hàng năm của Cục; quyết định phân bổ biên chế hành chính cho các cơ quan thuộc Cục;

d) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, công tác ở nước ngoài theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ;

đ) Quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc Cục;

e) Quyết định và thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức thực hiện phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí và quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong các đơn vị thuộc Cục;

g) Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, chế độ tiền lương, khen thưởng và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật, phân cấp của Bộ; bồi dưỡng chuyên

môn, nghiệp vụ về chuyên ngành theo phân công của Bộ trưởng;

h) Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực theo phân công của Bộ trưởng;

i) Báo cáo thực hiện về công tác tổ chức, cán bộ và biên chế theo quy định.

20. Về thanh tra, kiểm tra:

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định;

b) Giải quyết hoặc tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức, công dân liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Cục; tổ chức việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch Bộ giao hàng năm và thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Bộ.

21. Về quản lý tài chính, tài sản:

a) Trình Bộ dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch ngân sách trung hạn của Cục;

b) Chịu trách nhiệm quyết toán các nguồn kinh phí do Cục trực tiếp quản lý; quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản của nhà nước được giao cho Cục theo

phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục:

Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Cục.

Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ máy quản lý:

- a) Phòng Gia súc lớn;
- b) Phòng Gia súc nhỏ;
- c) Phòng Thức ăn chăn nuôi;
- d) Phòng Môi trường chăn nuôi;
- đ) Phòng Kế hoạch, Tài chính;
- e) Phòng Thanh tra, Pháp chế;
- g) Văn phòng Cục;
- h) Bộ phận thường trực tại miền Trung;
- i) Bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đơn vị trực thuộc:

a) Trung tâm Khảo, kiểm nghiệm và kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi;

b) Các đơn vị sự nghiệp khác được thành lập trên cơ sở Đề án do Cục xây dựng trình Bộ phê duyệt.

Cục trưởng Cục Chăn nuôi quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, đơn vị trực thuộc Cục, bổ nhiệm cán bộ theo phân cấp của Bộ và ban hành Quy chế làm việc của Cục.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 71/2005/QĐ-BNN ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Chăn nuôi và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát